

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Kim Liên - Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2025/QĐST-HN, ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái B1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái B1 tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố L vào ngày 05/8/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông B1.

Về con chung: Bà và ông B1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/4/2011. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi con, vì bà có công việc và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết ông Nguyễn Thái B1 mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông B1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Về quan hệ hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông B1. Về con chung: Giao con Nguyễn Tấn Đ cho bà B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, ông B1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B1. Ông B1 cư ngụ tại xã M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông B1 vắng mặt không có lý do. Bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2

Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Trần Thị B và ông Nguyễn Thái B1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà B và ông B1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà B trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Thời gian sống ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông B1.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thái B1 vắng mặt. Theo phiếu xác minh tình trạng cư trú của ông Nguyễn Thái B1 tại Công an xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố L thể hiện: Nguyễn Thái B1, sinh năm 1987 có đăng ký thường trú tại tổ B, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông B1 vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông B1 biết nhưng ông B1 vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do bà B cung cấp; cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc phản đối yêu cầu của bà B là ông B1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông B1 và bà B đều không quan tâm, không có biện pháp để hòa giải níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng ông B1 và bà B đều vắng mặt, là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông B1.

[2.2]. Về con chung: Bà B và ông B1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/4/2011. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông B1 cấp dưỡng, vì bà có công việc và thu nhập đủ khả năng nuôi con. Cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Ông B1 không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung ông B1 và bà B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn Đ sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà B nuôi con nhưng không yêu cầu ông B1 cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà B phải tạo điều kiện cho ông B1 được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà B nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông B1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông B1, bà B được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu giải quyết. Ông B1 không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B được ly hôn ông Nguyễn Thái B1.

Về con chung: Ông B1 và bà B có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/4/2011.

Bà B được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ông B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà B không yêu cầu.

Bà B phải tạo điều kiện cho ông B1 được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà B trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông B1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông B1, bà B được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002237, ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà B đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Thái B1 không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H